

## BẢN CHẤT THẨM MỸ CỦA VĂN HỌC TRONG GIÁO TRÌNH LÍ LUẬN VĂN HỌC Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1960 ĐẾN NAY

LÊ THỊ GẤM\*

### TÓM TẮT

*Từ năm 1960 đến nay, lịch sử biên soạn giáo trình lí luận văn học (LLVH) (bậc đại học) đã trải qua hơn 50 năm. Đây cũng là chặng đường hình thành và phát triển của LLVH Việt Nam với tư cách là một ngành khoa học. Nghiên cứu giáo trình LLVH bậc đại học, chúng tôi nhận thấy những chuyển biến đáng ghi nhận trong quan niệm về bản chất và đặc trưng của văn học, đặc biệt là bản chất thẩm mỹ. Thành tựu này đã góp phần vào sự phát triển của nền LLVH Việt Nam hiện đại.*

**Từ khóa:** lí luận văn học, giáo trình lí luận văn học, bản chất thẩm mỹ của văn học, lí tưởng thẩm mỹ, hình tượng nghệ thuật.

### ABSTRACT

#### *The aesthetic nature of literature in literary theory textbooks in Vietnam since 1960*

*The compilation of literary theory textbooks (for undergraduate level) has a history of 50 years, starting from 1960. This is also the history of development of Vietnam's literary theory as a field of science. Examining literary theory textbooks for undergraduate level, the researcher identifies noticeable shifts in the conception of literary's nature and features, especially the aesthetic nature. This achievement has contributed to the development of Vietnam's modern literary theory.*

**Keywords:** literary theory, literary theory textbook, the aesthetic nature of literature, aesthetic ideal, art image.

### 1. Đặt vấn đề

Hơn 50 hình thành và phát triển (từ 1960 đến nay), đặc biệt từ năm 1986 đến nay, giáo trình LLVH ở Việt Nam đã có những đổi mới đáng ghi nhận trong quan niệm về bản chất và đặc trưng văn học. Trước năm 1986, các tác giả giáo trình chỉ tập trung nhìn nhận, khẳng định bản chất xã hội của văn học. Bản chất thẩm mỹ và bản chất ngôn ngữ không được đánh giá thỏa đáng. Từ năm 1986 đến nay, với tinh thần khoa học khách quan,

các tác giả đã nhìn nhận tồn tại văn học trong thể hòa quyện, cân đối ba mặt: xã hội, thẩm mỹ và ngôn từ. Vai trò của nhà văn đối với xã hội và vấn đề dân chủ nghệ thuật cũng được gợi mở. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung xem xét quá trình chuyển biến quan niệm ở các giáo trình cơ sở LLVH bậc đại học từ 1960 đến nay về vấn đề bản chất thẩm mỹ.

\* ThS, Trường Đại học Văn Lang; Email: lehoanghainhu@gmail.com

## 2. Bản chất thẩm mỹ của văn học trong giáo trình lí luận văn học trước 1986

“Kiến tạo được một khoa học về lĩnh vực này hay lĩnh vực kia của sáng tạo văn hóa mà vẫn giữ được toàn bộ tính phức tạp, thể hoàn chỉnh và đặc thù của đối tượng là công việc hết sức khó khăn”. Vì vậy, “ở những nơi mà điều kiện cho một khoa học thực thụ chưa thật chín muồi” hay ở những nơi mà người làm khoa học đi theo sự nôn nóng, sự thiên lệch của tình hình lịch sử xã hội về bất cứ phương diện nào của văn học “thường dẫn đến việc hạ thấp đến cực độ mặt bằng của những vấn đề, đến việc nghèo nàn hóa đối tượng cần được nghiên cứu và thậm chí đánh tráo nó – trong trường hợp của chúng ta là đánh tráo sáng tạo nghệ thuật – bằng một cái gì đó hoàn toàn khác”. Những nhận định như vậy của M. Bakhtin, trong *Vấn đề nội dung, chất liệu và hình thức trong sáng tạo nghệ thuật ngôn từ*, về những thiếu sót khoa học của trường phái thi pháp học Nga thế kỉ XX, cũng đúng với trường hợp LLVH nước ta từ những năm 1960 đến trước đổi mới [1]. Thời kì này, do yêu cầu của lịch sử và những hạn chế khoa học, những người làm công tác nghiên cứu, biên soạn giáo trình lí luận đã không nhìn nhận các yếu tố thẩm mỹ là đặc trưng của tồn tại văn học; nhấn mạnh chức năng nhận thức, chức năng giáo dục ý thức xã hội và ý thức chính trị hơn là chức năng định hướng thẩm mỹ. Theo đó, cái đẹp trong tác phẩm, phải xuất phát từ cái đẹp nguồn cội của nó là hiện thực đời

sống. Lí tưởng thẩm mỹ của nhà văn đồng nhất với lí tưởng xã hội. Từ quan niệm như vậy, khi bàn về vấn đề thẩm mỹ trong văn học, các tác giả chỉ chú trọng đề cập hai phương diện là hình tượng nghệ thuật và điển hình nghệ thuật.

Hình tượng nghệ thuật được quan niệm như là một phương thức phản ánh thực tại đặc thù của văn học, và là phương tiện chuyên chở ý thức chính trị, tình cảm xã hội của nhà văn. Nguyễn Lương Ngọc viết trong *Sơ thảo nguyên lí văn học* (1961): “Hình tượng nghệ thuật là hình thức đặc biệt của văn học nghệ thuật để phản ánh hiện thực, phản ánh cuộc sống của con người, do nghệ sĩ nhận thức được, và biểu hiện lên” [7, tr.209]. Hai tác giả Lê Bá Hán, Hà Minh Đức cũng có nhận định tương tự trong *Cơ sở lí luận văn học* (1976): Hình tượng “đó là sự nhận thức, phản ánh thực tại với “hình thức của đời sống”, là sự tái hiện thực tại bằng hình thức trực tiếp, cụ thể - cảm tính và truyền cảm”. Mục đích của văn học nghệ thuật là, “bằng phương tiện của mình”, “dựng lên những bức tranh của đời sống” hoặc khơi dậy trong lòng người đọc “những ý nghĩ đối với đời sống” [6, tr.136]. Nhờ đó, “bản chất xã hội của nghệ thuật được bộc lộ” [6, tr.134].

Năm 1980, khi đã có độ lùi thời gian nhất định để chiêm nghiệm vấn đề, Bùi Ngọc Trác, trong *Cơ sở lí luận văn học*, nhận thấy ở hình tượng nghệ thuật không chỉ có hiện thực được phản ánh, mà còn hàm chứa trong nó nội dung thẩm mỹ. Ông nhấn mạnh: “Hình tượng nghệ thuật không chỉ là một phạm trù nhận

thức luận mà còn là một phạm trù thẩm mỹ nữa” [8, tr.280]. Là một loại hình ý thức xã hội thẩm mỹ, văn học phản ánh hiện thực nhưng “không phải là bức ảnh chụp hiện thực, mà là sự tái hiện hiện thực một cách sáng tạo” [8, tr.285]. Do vậy, chúng ta “cần phải gạt bỏ cách hiểu những khái niệm “miêu tả” và “biểu hiện” như trước đây nhiều người quan niệm là “làm hiện ra rõ rệt bức tranh của hiện thực” [7, tr.284]. Bởi vì, theo ông: “Ý nghĩa thẩm mỹ của khái niệm “miêu tả” và “biểu hiện” vượt ra ngoài khuôn khổ của sự bộc lộ có tính chất hình thức lẻ tẻ, rời rạc của những khái niệm này” [8, tr.285]. Dù có một số điểm mới nhưng ý kiến này cơ bản chưa thể thoát khỏi khung thẩm mỹ của thời đại. Trang 287, tác giả viết: “Hình tượng nghệ thuật sẽ mất đi những phẩm chất cơ bản của nó nếu không chứa đựng tư tưởng - thẩm mỹ mà cuộc sống cung cấp cho”. Mặt khác, ông nhấn mạnh: “Hình tượng nghệ thuật không phải là sự bùng sáng đột xuất trong tâm hồn nhà văn. Nó không nảy sinh một cách bất ngờ, chớp nhoáng. Nó ra đời là do sự nỗ lực hoạt động sáng tạo của nhà văn trong quá trình thâm nhập, phản ánh nội dung khách quan của cuộc sống và biểu hiện suy nghĩ, tình cảm của mình về cuộc sống đó”. Còn nhà văn, như cách hiểu của Bùi Ngọc Trác, chỉ là một người kể chuyện đời sống một cách thông minh, sinh động, bằng cách sử dụng lối nói hình tượng.

Nếu hình tượng là khái niệm chỉ đặc trưng tư duy nhận thức và phản ánh của văn học thì điển hình nghệ thuật,

trong quan niệm của các giáo trình trước 1986, là khái niệm chỉ “chất lượng của sự phản ánh” của hình tượng. Nó “chỉ sự sâu sắc, sự rộng lớn và sức mạnh của hình tượng” [7, tr.221] và phải “nói lên được tính quy luật của cuộc sống” [8, tr.320].

Thông qua hình tượng điển hình, có thể thấy được thế giới quan và ý thức chính trị của nhà văn. Giáo trình *Cơ sở lý luận văn học* (1976) viết: “Điển hình hóa bao giờ cũng gắn liền quan điểm chính trị và xã hội của nhà văn”; “Quá trình điển hình hóa là quá trình thâm nhập, đồng hóa hiện thực bằng nghệ thuật, là quá trình thể nghiệm sâu sắc ý thức chính trị của nhà văn trong sáng tác. Vai trò của thế giới quan có một tầm quan trọng đặc biệt trong việc điển hình hóa” [6, tr.174]. Vì vậy, muốn xây dựng được điển hình nghệ thuật, nhà văn trước hết phải xây dựng cho mình một thế giới tiến bộ là đứng về phía cuộc chiến bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bởi như Nguyễn Lương Ngọc viết trong *Sơ thảo nguyên lý văn học* (1961) – một giáo trình lý luận sơ giản nhưng có tầm ảnh hưởng sâu rộng: “Chỉ có đứng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chỉ có một thế giới quan và nhân sinh xã hội, mới phản ánh được nó bằng hình tượng điển hình và qua đó mới đề ra được nguyên nhân và phương pháp giải quyết những mâu thuẫn xã hội một cách đúng đắn và triệt để, khiến cho tác phẩm văn học trở thành một sức mạnh cải tạo xã hội” [7, tr.246].

Về chân lý nghệ thuật, ở các giáo

trình lí luận của thập niên 60, 70, nội dung này chưa được trình bày cụ thể, bài bản. Đến năm 1980, giáo trình *Cơ sở lí luận văn học* của Nguyễn Lương Ngọc (chủ biên) ra đời thì vấn đề chân lí thẩm mỹ mới được trình bày cụ thể, là một phần nội dung thẩm mỹ của văn học. Tuy nhiên, cũng chính ở đây, người đọc nhận thấy chân lí nghệ thuật bị đánh đồng với chân lí đời sống. Trang 354, tác giả khẳng định: “Chỉ có thể đạt tới chân lí nghệ thuật, khi nhà văn mạnh dạn hư cấu, sáng tạo trên cơ sở trung thành với chân lí cuộc sống”. Một cách diễn đạt khác, ông viết: “Xét trên những nét cơ bản, chân lí nghệ thuật chính là sự thật của bản thân đời sống được biểu hiện bằng hình tượng nghệ thuật” [8, tr.354]. Vì vậy, muốn xác định độ tin cậy của lí tưởng thẩm mỹ trong tác phẩm nghệ thuật, hãy nhìn vào “những sự kiện cuộc sống được miêu tả” [8, tr.355]. Đây là điểm chung của những người theo mỹ học mác-xít, coi cái đẹp phải là cái thực tồn và phải gắn liền với cái có ích, cái thiện. Từ đây, người đọc có thể hiểu nhà văn cùng lắm cũng chỉ là một trong những người sớm tri nhận được chân lí đời sống và biết cách mê dụ người khác bằng lối kể chuyện hình tượng mà tuyệt nhiên không sáng tạo cái đẹp nào khác.

Dù còn nhiều hạn chế, nhưng ở vào thời điểm điều kiện chính trị và đời sống văn học còn nhiều khó khăn, chưa có bút phá mạnh, thì một số nỗ lực đổi mới quan niệm về bản chất thẩm mỹ như trong giáo trình *Cơ sở lí luận văn học* năm 1980 cũng đáng được ghi nhận. Đây là bước

đệm quan trọng để những giáo trình sau năm 1986 tiếp tục kế thừa, phát huy.

### **3. Vấn đề bản chất thẩm mỹ của văn học trong giáo trình lí luận văn học sau 1986**

Từ sau năm 1986 đến nay, tình hình chính trị thay đổi, đời sống xã hội cũng có không ít đổi thay. Chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với các nền tri thức hiện đại của thế giới, có tiếng nói dân chủ nhất định trong khoa học, cái nhìn về nghệ thuật cũng theo đây mà cởi mở, linh hoạt và sâu sắc hơn.

Nhìn lại chặng đường gần 30 năm mà LLVH đã đi qua, người đọc có thể nhận ra nhiều nét chuyển biến đáng ghi nhận xung quanh vấn đề bản chất và đặc trưng của văn học. Không phủ nhận vai trò xã hội, nhưng lí luận thời kì này cũng không còn cách hiểu “ngây thơ” như trước. Những người nghiên cứu văn học đã nhìn ra sự khác biệt giữa chân lí nghệ thuật và chân lí đời sống – là điểm cơ bản mấu chốt để văn học xác lập tiếng nói và diện mạo riêng, tương tác nhưng độc lập với các hình thái ý thức khác. Dĩ nhiên, sự chuyển biến này là một quá trình chiêm nghiệm lâu dài.

Giáo trình LLVH từ 1986 đến nay đã từng bước ghi nhận, tổng kết thành quả của quá trình vận động đổi mới tư duy văn học ở nước ta. Ở các giáo trình, hệ thống vấn đề bản chất thẩm mỹ đã được đặt ra, kiến giải căn bản, nhuần nhị.

Ra đời vào giữa những năm 80 của thế kỉ XX, thời điểm đất nước và văn học có nhiều biến đổi, giáo trình *Lí luận văn học* (1986), do Phương Lưu chủ biên, vẫn

kế tục nhiều luận điểm của những giáo trình trước đó. Tuy nhiên, người đọc có thể tìm thấy ở đây những dấu hiệu đổi mới, về lí tưởng thẩm mỹ của văn học nghệ thuật chẳng hạn. Ở chương VI: *Văn nghệ, một hình thái ý thức xã hội đặc thù*, Trần Đình Sử đi vào phân tích các phương diện thẩm mỹ như đối tượng, nội dung, hình tượng, điển hình nghệ thuật... Qua đây, người đọc bắt gặp những quan điểm mới mẻ. Tựu trung, tác giả nhấn mạnh cội nguồn bản chất thẩm mỹ của văn học nằm ở quan niệm về chân lí đời sống và chân lí về cái đẹp. Trong đó, chân lí về cái đẹp luôn được gắn liền với cái tốt, cái thật. Ông viết: “Đặc điểm của nội dung văn nghệ là khát vọng thiết tha muốn thể hiện một quan niệm về chân lí đời sống, một chân lí về cái đẹp, cái tốt, cái thật thể hiện trong các hiện tượng tự nhiên và xã hội, trong các quan hệ giữa người và người, trong tính cách con người” [4, tr.128]. Đó là loại chân lí không phải từ sự áp đặt của hệ ý thức khác, mà chính từ sự thể nghiệm của nhà văn trong cuộc sống. Và qua tác phẩm nghệ thuật, nhà văn “muốn nói to lên cho mọi người, muốn thuyết phục họ và chia sẻ với họ” chân lí thẩm mỹ do mình chiêm nghiệm. Cho nên, theo tác giả, nội dung của văn học nghệ thuật không phải là cuộc sống như nó vốn có, mà là “cuộc sống được ý thức về mặt tư tưởng và giá trị”, được tái hiện “trong tương quan với lí tưởng, khát vọng, tình cảm của con người” [4, tr.128]. Nghĩa là như nó cần phải có.

Quan điểm này tiếp tục được giáo

trình *Văn học, nhà văn, bạn đọc* (2002) khẳng định, phát triển. Nguyễn Nghĩa Trọng, trong phần *Nội dung tình cảm xã hội thẩm mỹ*, cho rằng tự bản chất văn học luôn hướng đến một lí tưởng và ước mơ cao đẹp, vượt lên trên cái đẹp của cuộc sống đời thường. Tuy nhiên, khác với các hình thái ý thức như chính trị, đạo đức, triết học..., văn học đi đến lí tưởng của mình bằng con đường tình cảm. Lí tưởng của văn học là lí tưởng về một xã hội cao thượng, nhân văn, nên tình cảm trong văn học cũng khác tình cảm thông thường. Nó là tình cảm xã hội thẩm mỹ. Ông viết: “Nghệ thuật không thoát li nhưng cần làm cho tâm hồn con người được nâng cao hơn so với tình cảm thực tế hàng ngày trong mọi lĩnh vực cuộc sống” [5, tr.64]. Đối tượng trung tâm phản ánh của văn học dĩ nhiên là cái đẹp, cái cao cả, nhưng cũng không xa lánh cái thấp hèn. Trái lại, văn học trực diện, đấu tranh với cái xấu xa thấp hèn trong thế “đối sánh nó theo một lí tưởng và ước mơ cao đẹp” [5, tr.64]. Ngay cả ở những tình huống như vậy cũng là văn học đang “gián tiếp gắn bó với cái đẹp”. Tác giả cũng cho rằng, với tâm điểm là cái đẹp hoàn thiện, lí tưởng thẩm mỹ của văn học “tuy không đồng nhất, nhưng là thống nhất với chân lí và đạo lí” đời sống [5, tr.64]. Mặt khác, ông cũng thấy rằng, văn học là một dạng ý thức, tình cảm, thông qua phản ánh hiện tượng cuộc sống bằng hình thức trực quan mà bộc lộ khao khát, mơ ước. Vì vậy, dù hiện tượng văn học phản ánh là gì đi nữa thì đây cũng “chỉ là bóng dáng của cuộc đời, chứ không phải

là bản thân cuộc đời đích thực” [5, tr.62]. Ông cũng cho rằng, văn học cũng như nghệ thuật “không hề bày ra một quyền lợi thiết thực nào cả, cho dù rất tự nhiên và chính đáng đi nữa” [5, tr.62]. Như vậy, cách lập luận của tác giả cho thấy, bản chất của văn học là cái đẹp tinh thần. Việc văn học phản ánh hiện tượng đời sống xã hội là tất yếu nhưng cũng là dạng phản ánh thẩm mỹ và bộc lộ tình cảm trong chiều kích thẩm mỹ của riêng nó. Mọi quy chiếu hiện thực từ tác phẩm ra đời sống và ngược lại đều bóp chết giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

Trong các giáo trình LLVH thời đổi mới, có lẽ *Lí luận văn học nhập môn* (2010) của Huỳnh Như Phương là trình bày được nhiều điểm mới mẻ hơn, đồng thời giải quyết vấn đề nhuần nhị hơn cả. Công trình là kết quả của một quá trình nhiều năm tiếp nhận, chọn lọc, tổng hợp lí thuyết mỹ học, văn học hiện đại thế giới, cùng những suy ngẫm khoa học và kinh nghiệm giảng dạy của ông.

Để làm sáng tỏ vấn đề bản chất thẩm mỹ của văn học và để xác lập vị thế của hình thái ý thức này trong tồn tại xã hội, ông phân biệt lí tưởng xã hội, lí tưởng đạo đức và lí tưởng thẩm mỹ. Trong đó, mục tiêu cơ bản của vận động xã hội là lí tưởng xã hội; mục tiêu cơ bản của chuẩn mực đạo lí là lí tưởng đạo đức; mục tiêu cơ bản của nghệ thuật là lí tưởng thẩm mỹ. Lí tưởng thẩm mỹ “hướng tới cái đẹp trong ước mơ và khát vọng của con người, nó nêu bật hình ảnh về những giá trị và quan hệ thẩm mỹ hoàn chỉnh mà con người cho rằng cần phải có,

cần nên có” [9, tr.89]. Là đại diện cho tính tất yếu phổ quát của cái đẹp, lí tưởng thẩm mỹ bao hàm trong nó những nội dung chủ yếu của lí tưởng xã hội và lí tưởng đạo đức.

Như vậy, bản chất thẩm mỹ đã được LLVH xác tín trở lại (lần đầu có lẽ vào thập niên 30 của thế kỉ trước, đặc biệt trong cuộc tranh luận “nghệ thuật vị nhân sinh” và “nghệ thuật vị nghệ thuật”). Giáo trình LLVH đã không coi yếu tố thẩm mỹ là phương tiện trung chuyển mà là mục đích tự thân của nghệ thuật. Bằng cách thông qua phản ánh hiện thực, nó tạo ra hình ảnh cụ thể cảm tính về cái đẹp cần phải có, cái đẹp trong ước mơ để mọi người có thể cảm nhận được. Điều này không có nghĩa tác phẩm văn học chỉ miêu tả cái đẹp, xa lánh cái xấu xa thấp hèn. Một thời gian dài trong lịch sử văn học nước ta, nhất là những năm đất nước chịu bom đạn tàn phá, lí luận, phê bình thiên về cái cao cả, mà quên rằng cái bi, cái hài, cái tầm thường cũng là đối tượng phản ánh của văn học nghệ thuật. Dù quá thực, khi tinh thần dân tộc trỗi dậy, thì không chỉ người làm lí luận mà chính những nhà văn cũng dễ rung động bởi cái cao cả. Nhưng khi sự chú ý đó đi quá ngưỡng, “con tàu” lí luận đã bị lệch khỏi “đường ray” cần chạy, và phê bình đã để “lạc” những “hành khách” nó cần đón. Người nghiên cứu và công chúng yêu văn học vẫn còn nhớ biết bao câu chuyện buồn của làng văn Việt Nam về những tác giả, tác phẩm văn học ra đời giữa thời chiến. Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt... là những trường hợp như thế.

Cùng với việc thay đổi quan niệm về bản chất thẩm mỹ, quan niệm về vai trò của nhà văn trong hoạt động sáng tạo cũng được giáo trình LLVH thời đổi mới nhìn nhận lại. Nhà văn, theo quan niệm của giáo trình LLVH từ năm 1986 đến nay, là người gìn giữ và sáng tạo cái đẹp tinh thần lí tưởng, là người đưa lí tưởng thẩm mỹ đến với đời sống nhân loại và khơi gợi ở nhân loại lòng khao khát cái đẹp hoàn thiện, bằng cách xây dựng hình tượng cụ thể cảm tính về nó. Anh ta xây dựng hình tượng không phải chỉ để phản ánh hiện thực như nó vốn có, đang có mà như là nó cần phải có, theo thẩm mỹ của mình. Huỳnh Như Phương viết trong *Lí luận văn học nhập môn* (2010): “Nhà văn là người thay mặt cho xã hội nói lên những điều không bằng lòng, những mối bất hòa với thực tại, đồng thời diễn đạt những ước mơ, khát vọng của con người bằng ngôn ngữ nghệ thuật. Khi ước mơ và khát vọng đó không thực hiện được, trở nên xa vời, tác phẩm sẽ thấm đậm một nỗi buồn về lí tưởng” [9, tr.90]. Lúc này, nhà văn giải quyết mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng “không phải bằng cách biến lí tưởng phải phức tùng hiện thực mà bằng cách miêu tả hiện thực với tinh thần phê phán” [9, tr.90]. Do đó, có thể nói, qua tác phẩm văn học, nhà văn vừa khám phá cái đẹp thực tại, vừa sáng tạo cái đẹp mới và “chiêm nghiệm mình trong một thế giới do mình sáng tạo nên” [9, tr.71], dưới dạng hình tượng cụ thể cảm tính. Và như vậy, viết là một quá trình, nói như Huỳnh Như Phương là “tái tạo và sáng tạo thế giới các đối tượng”,

chứ không thuần túy là miêu tả cái đẹp hiện tồn theo tính tất yếu lịch sử như quan niệm của giáo trình lí luận trước năm 1986. Bản chất của quá trình viết ấy là sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, mà thông qua đấy, nhà văn với vai trò chủ thể, là người đi trước trong kinh nghiệm khám phá thẩm mỹ, “truyền bản chất của mình cho các đối tượng” khách quan. Đến lượt mình, “những đối tượng ấy lại truyền cái *bản chất người* (tác giả nhấn mạnh) cho công chúng quan tâm thưởng ngoạn” [9, tr.71]. Bằng cách ấy, nhà văn “gợi lên trong người đọc sự đồng cảm với lí tưởng thẩm mỹ của mình, kêu gọi công chúng trở thành người đồng hành và người kế tục lí tưởng mà mình đề cao” [9, tr.91]. Nói văn học có chức năng giáo dục tức là giáo dục thẩm mỹ như thế.

Xuất phát từ quan niệm mục đích của văn học là biểu hiện lí tưởng thẩm mỹ, giáo trình LLVH từ 1986 đến nay nhìn nhận hình tượng nghệ thuật như là hình thức cụ thể hóa lí tưởng thẩm mỹ. Bởi vì, “lí tưởng – đó là ý niệm về sự hoàn thiện, là ước mơ về tương lai” [9, tr.88]. Nó cần được biểu hiện bằng hình thức cụ thể cảm tính là hình tượng. Bởi hình tượng là một trong những “con đường tuyệt diệu nhất để diễn đạt lí tưởng thẩm mỹ và làm cho mọi người có thể cảm nhận được”, và nếu không có hình tượng, văn học nói riêng, nghệ thuật nói chung “sẽ không thể tạo ra ấn tượng về hình ảnh cái đẹp cần phải có, cái đẹp trong ước mơ” [9, tr.89]. Hình tượng có thể là cái thực trong đời sống, cũng có thể chỉ là cái có trong tâm tưởng nhà văn,

miễn là nó tìm được sự tương đồng với hình thức tồn tại của đời sống. Giáo trình *Văn học, nhà văn, bạn đọc* (2002) có đoạn viết: Hình tượng nghệ thuật, “đó là một thể thống nhất sinh động giữa thực và hư, trực tiếp và gián tiếp, ổn định và biến hóa, thống nhất và đa dạng, mang đầy nội dung cuộc sống, tư tưởng và cảm xúc” [5, tr.71].

#### 4. Kết luận

Phổ biến tri thức, tư tưởng, thái độ khoa học cho người học là mục tiêu trọng tâm của giáo trình lí luận bậc đại học. Cũng như các ngành khoa học khác, hàm lượng tri thức trong giáo trình lí luận đòi hỏi tính khái quát, tính xác thực cao. Tuy nhiên, đời sống văn học luôn vận động biến đổi. Quan niệm của lí luận về văn học, dẫu có khi nhanh khi chậm, cũng biến đổi không ngừng. Tri thức trong giáo trình LLVH, vì vậy, chỉ mang tính ổn định tạm thời. Nghĩa là nó chấp nhận sự biến đổi, vượt qua. Mặt khác, cũng bởi là khoa học về nghệ thuật ngôn từ, nên nội dung giáo trình LLVH không tránh khỏi yếu tố chủ quan của người biên soạn. Bên cạnh đó, loại giáo trình này chịu sự chi phối lớn từ điều kiện lịch sử xã hội, đặc biệt là ở những nơi, những thời kì mà tinh thần độc lập và dân chủ khoa học chưa cao. Những năm đất nước có chiến tranh, giáo trình lí luận là một trong những kênh “tuyên truyền” quan trọng, hiệu quả cho đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, vì sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Ngoài ra, sự phát triển của hoạt động sáng tác và trình độ lí luận nói chung cũng là những yếu tố

quan trọng tác động trực tiếp đến sự hình thành, đổi mới tư duy của giáo trình lí luận về vấn đề bản chất và chức năng của văn học.

Nghiên cứu giáo trình LLVH bậc đại học ở Việt Nam hơn 50 năm qua, chúng tôi cho rằng các giáo trình phần nào đã làm được nhiệm vụ của nó: chọn lọc, tinh luyện, xây dựng nền kiến thức cơ bản vững chắc cho người học trẻ. Cổ nhiên, ở các giáo trình hiện nay, những vấn đề bản chất và đặc trưng của văn học, trong đó có vấn đề bản chất thẩm mỹ không phải đều đã được giải quyết thấu đáo. Tuy vậy, từ những nghiên cứu thu được, chúng tôi cho rằng giáo trình LLVH hơn 50 năm qua đã có những bước đi dài, ngày càng tiến bộ và chuyên nghiệp hơn. Dẫu có những quan điểm là “cũ người mới ta”, nhưng đây vẫn là những nỗ lực đáng ghi nhận trong quá trình hiện đại hóa nền LLVH nước nhà. Hơn nữa, ngay cả khi giáo trình chỉ đổi mới so với chính nó (như là quá trình nỗ lực khắc phục và vượt khỏi khung mỹ học phản ánh luận Mac-xít thời Xô-viết cũ, vốn ăn sâu bám rễ vào tư tưởng lí luận Việt Nam nói chung), thiết nghĩ, đã là điều đáng để chúng ta trân trọng.

Xã hội ngày càng phát triển, tư duy đòi thường và tư duy học thuật cũng không ngừng tiến bộ. Những vấn đề thuộc bản chất và đặc trưng của văn học sẽ vẫn tiếp tục được đặt ra, đòi hỏi người nghiên cứu phải liên tục vận động tư duy, thay đổi điểm nhìn để tiếp cận và giải quyết đối tượng sâu suốt hơn.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bakhtin. M (2007), “Nội dung, chất liệu và hình thức trong sáng tạo ngôn từ”, *Lí luận – phê bình văn học thế giới thế kỉ XX*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hà Minh Đức (chủ biên) (1992), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Hà (2006), “Sự vận động của lí luận văn học mác xít ở Việt Nam từ sau 1954 qua hệ thống giáo trình lí luận văn học”, *Tạp san Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường Đại học KHXH & NV TP Hồ Chí Minh, (3), tr.12-18.
4. Phương Lưu (chủ biên) (1997), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Phương Lưu (chủ biên) (2002), *Lí luận văn học*, tập 1: *Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
6. Nhiều tác giả (các trường đại học sư phạm) (1976), *Cơ sở lí luận văn học*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Nguyễn Lương Ngọc (1961), *Sơ thảo nguyên lí văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Lương Ngọc (chủ biên) (1980), *Cơ sở lí luận văn học*, tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
9. Huỳnh Như Phương (2010), *Lí luận văn học* (nhập môn), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, TPHCM.
10. Huỳnh Như Phương (2010), “Môn lí luận văn học trong nhà trường đại học”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (4), tr.42-51.
11. Trần Đình Sử (chủ biên) (2007), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 1: *Bản chất và đặc trưng văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Thiện (2006), “Về việc biên soạn giáo trình lí luận văn học bậc đại học ở ta 50 năm qua”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (5), tr.12-20.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-6-2014; ngày phản biện đánh giá: 21-7-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 07-4-2015)